

Bản án số: 269/2022/DS-PT

Ngày: 08/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông T Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 37/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án; Yêu cầu huỷ GCNQSDĐ; Yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7910/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1959; Địa chỉ: số 67 phố L, phường H2, quận H1, thành phố H; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1945 và ông **Lê Đình B**, sinh năm 1939; Cùng địa chỉ: Số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H; Bà V có mặt, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Anh **Nguyễn Như H3**, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm Đ, xã T3, huyện T2, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Như H3: Ông Hà Quý Đ1, sinh năm 1997 – Nhân viên Công ty luật TNHH H4; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Như H3: Ông Trần Đức T4 - Công ty luật TNHH H4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ủy ban nhân dân quận H3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đại P1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H3, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Đình T5 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận H3, thành phố H; vắng mặt.

4.2. Ông Lê Hữu D, sinh năm 1952;

Địa chỉ cũ: 347D P, phường P, quận H3, thành phố H;

Địa chỉ mới: Ngõ 146, phố M (HTX T6), phường M, quận H3, thành phố H; vắng mặt.

4.3. Bà Lê Thị V (đã mất);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V, gồm:

- Bà Nguyễn Thu H5, sinh năm 1961; Địa chỉ: số 79/51 L2, phường V1, quận Đ2, thành phố H; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Bích H7, sinh năm 1964; Địa chỉ: số 1B, phố Y, phường P, quận H3, thành phố H; Ông T6, bà H7 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thu H8, sinh năm 1968; Địa chỉ: số 360, đường G, phường P2, quận T7, thành phố H; vắng mặt.

4.4. Ông Lê Đình T8, sinh năm 1935; Địa chỉ: Số 404 B1, phường B1, quận H3, thành phố H; có mặt.

4.5. Anh Lê C2, chị Trần Thị Thu H9, cháu Lê Thanh P3 đang sinh sống cùng với bà V tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Lê Hữu T trình bày:

Theo Bản án phúc thẩm số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã tuyên “Kê biên phần ngôi nhà 16 ngõ T1, phường P, quận H3 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Phạm Thị V để đảm bảo thi hành các khoản bồi thường dân sự cho những người bị hại”. Do vậy, ông T đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản nhà đất để thi hành án. Theo ông Lê Hữu T phần đất nhà tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H thuộc sở hữu của vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Lê Đình B đã ở và quản lý trên 30 năm, ngoài ra không có bất kỳ ai khác cùng ăn ở tại ngôi nhà này.

Đồng thời, ông Lê Hữu T yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) do UBND quận H3 đã cấp cho các cá

nhân có liên quan đến nhà đất tại 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H bao gồm: 04 GCNQSDĐ cấp năm 2005 cho ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8 và 01 GCNQSDĐ cấp chung cho ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8, ông Lê Đình B.

Đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Như H3: Khi Tòa án chưa xác định được phần tài sản của bà V, ông B để thi hành án thì khi đó bất cứ ai có hành động liên quan đến nhà đất số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H đều nhằm mục đích tẩu tán tài sản và trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Việc anh Nguyễn Như H3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2017 là sau ngày ban hành Bản án phúc thẩm số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội. Như vậy, việc nhận chuyển nhượng này được coi là trái pháp luật, nhà đất đang có tranh chấp nay lại có yêu cầu độc lập đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp là không có căn cứ.

Bản án phúc thẩm số 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội phải được các cơ quan có thẩm quyền tôn trọng và nghiêm túc thực hiện, ông không đồng ý với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Như H3 và đề nghị Tòa án bác đơn của anh H3.

Bị đơn là bà Phạm Thị V trình bày:

Về trách nhiệm hình sự tại Bản án số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội bà đã chấp hành xong hình phạt 16 năm tù và được trở về địa phương năm 2014.

Về trách nhiệm dân sự: Bà đã trả được ông Lê Hữu T khoảng 270.000.000đồng, bà vẫn nhận trách nhiệm còn nợ ông T và sẽ trả dần cho ông Lê Hữu T.

Bà kết hôn với ông Lê Đình B từ năm 1965. Bố chồng bà là cụ Lê Đình V2, mẹ chồng là cụ Vũ Thị D2 cả hai cụ đều đã chết. Bố mẹ chồng bà sinh được 04 người con gồm: Ông Lê Đình Q(đã chết); Bà Lê Thị V(đã chết); Ông Lê Đình T8 và ông Lê Đình B.

Tài sản của bố mẹ chồng bà là T10 bộ nhà đất tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H. Tài sản này do nhiều đời các cụ để lại, từ khi bà về nhà chồng đến nay tài sản của các cụ vẫn như vậy, vợ chồng bà ở cùng bố mẹ chồng, do nhà cũ nhiều năm bị dột và trũng ngập nên vợ chồng bà chỉ có công sức thay mái tôn, tôn nền nhà, xây tường bảo vệ, toàn bộ tài sản này vẫn thuộc quyền sở hữu của bố mẹ chồng bà.

Năm 2005 khi bà vẫn còn đang thụ án trong trại, thì các anh chị em trong nhà chồng bà có làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng bà để lại. Việc này bà không được tham gia nên không nắm được nội dung cụ thể. Đây là việc của anh chị em nhà chồng, bà là con dâu không được hưởng thừa kế di sản của bố mẹ chồng.

Nay ông Lê Hữu T có yêu cầu xác định tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà trong khối tài sản của nhà chồng thì bà khẳng định là bà không có tài sản gì trong khối tài sản tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Còn yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông Lê Hữu T đối với các anh chị em bên nhà chồng thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông T. Còn việc nợ nần giữa bà với ông Lê Hữu T không liên quan gì đến chồng bà là ông Lê Đình B, ông Lê Đình B không biết gì về việc vay nợ này.

Về nghĩa vụ trả nợ cho ông T tại Bản án số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Toà Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội cũng chỉ buộc một mình bà trả số tiền 1.700.000.000đồng cho ông T mà không buộc ông Lê Đình B phải trả nợ cho ông T. Vì vậy ông T yêu cầu xác định nhà đất tại 16 ngõ T1 là của vợ chồng bà là không đúng. Đây là di sản thừa kế của bố mẹ chồng bà để lại cho các con, không phải là tài sản riêng của vợ chồng bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Đình B trình bày: Ông Lê Hữu T khởi kiện vợ chồng ông bà là Phạm Thị V và Lê Đình B. Theo ông, ông T khởi kiện ông là không chính xác. Mặc dù ông và bà Phạm Thị V là vợ chồng nhưng trong quan hệ làm ăn của ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị V ông không có liên quan gì, vì thế Bản án hình sự phúc thẩm số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của của Toà Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã tuyên: “Buộc bị cáo Phạm Thị V phải bồi thường cho ông Lê Hữu T số tiền 1.780.000đồng” trong đó không tuyên buộc ông phải có phần trách nhiệm bồi thường cho ông T.

Về khối tài sản tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H mà ông đang ở, ông xin trình bày như sau:

Khu đất 380m² tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là thửa đất thừa kế của dòng họ Lê cho bố mẹ ông là cụ Lê Đình V2 và cụ Vũ Thị D2 (cả hai đều đã chết). Do đó, khu đất này là tài sản chung của các anh chị em gồm: Ông Lê Đình Q (đã chết); bà Lê Thị V (đã chết); ông Lê Đình T8; Ông Lê Đình B.

Về căn nhà cấp 4 trên đất: Là căn nhà của bố mẹ ông xây dựng từ năm 1950. Hiện nay căn nhà vẫn trong khối tài sản chung của 4 anh em chúng tôi. Bà V không có quyền lợi trong khối tài sản này. Năm 1965 tôi mới kết hôn với bà V, sau khi kết hôn chúng tôi sống cùng bố mẹ tại ngôi nhà đó. Năm 1983 cụ Lê Đình V2 là bố tôi chết, đến năm 1985 vợ chồng tôi có sửa chữa và đổ 24m² trần nhà, năm 1990 mẹ tôi là cụ Vũ Thị D2 qua đời, năm 1995 vợ chồng ông thay một số tôn cũ, đồng thời xây tường bao xung quanh. Tổng số tiền vợ chồng ông bỏ ra để sửa chữa căn nhà từ trước đến nay khoảng 60.000.000đồng (tính theo giá trị thời điểm hiện tại). Điều này đã được cả gia đình thống nhất xác nhận

không có tranh chấp gì. Ông công nhận bà V có ½ giá trị công sức đóng góp trong việc sửa chữa nhà là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Như H3 và người nhận ủy quyền trình bày:

Ngày 19/9/2017, anh Nguyễn Như H3 đã nhận chuyển nhượng của ông Lê Hữu D, sinh năm 1952 có HKTT tại 347D, P, phường P, quận H3, thành phố H 60m² nhà đất tại địa chỉ: 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H (có GCNQSDĐ số AB 198394 do UBND quận H3 cấp ngày 09/9/2005) với giá trị chuyển nhượng là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 657/2017/HĐCN, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết tại Văn phòng công chứng T9. Anh H3 đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho ông D ngay sau khi ký Hợp đồng.

Sau đó ông Hiền làm thủ tục sang tên tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội thì bị từ chối do mảnh đất tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H bị ngăn chặn bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Tòa án nhân dân quận H3 đang giải quyết vụ án dân sự số: 115/2017/TLST-DS ngày 02/11/2017 liên quan đến nhà đất trên.

Theo hồ sơ vụ án: Nhà đất trên tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H có tổng diện tích là 385,12m² có nguồn gốc đất của cụ Lê Đình V2 (mất năm 1983) và cụ Vũ Thị D2 (mất năm 1990) để lại, không có di chúc. Hai cụ có 04 người con gồm ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8 và ông Lê Đình B.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 1475/HSPT của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định: *“Kê biên phần ngôi nhà 16, ngõ T1, phường P, quận H3 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Phạm Thị V (vợ ông B) để đảm bảo thi hành án các khoản bồi thường dân sự cho những người bị hại (trong đó có ông Lê Hữu T)”*

Ngày 20/12/2004, theo biên bản giải quyết thi hành án, các đồng thừa kế thống nhất chia di sản thừa kế như sau: Ông Lê Đình Q 60m²; Bà Lê Thị V 60m²; Ông Lê Đình T8 60m²; Gia đình Ông Lê Đình B 60m².

Ngày 09/9/2005, UBND quận H3 đã cấp GCNQSDĐ số 10107074121 cho hộ ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10 đối với diện tích 60m² tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Ngày 30/11/2011, Văn phòng đăng ký đất đai và nhà chi nhánh quận H3 đã đăng ký sang tên GCNQSDĐ nêu trên của vợ chồng ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10 cho con trai là ông Lê Hữu D theo Hợp đồng tặng cho số 80/2011/HĐTC ngày 05/11/2011 lập tại Văn phòng công chứng quận B4.

Tuy nhiên, ngày 19/3/2014 UBND quận H3 đã có Quyết định số 823/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ tại 16 ngõ T1, phường P, quận

H3, thành phố H.

Việc UBND quận H3 thu hồi đối với GCNQSDĐ số 10107074121 cho hộ ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10 là không đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai và khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Nay ông T có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của ông Lê Đình Q. Đề nghị Toà án bác yêu cầu của ông Lê Hữu T và công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Như H3 đối với 60m² nhà đất tại 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H theo Hợp đồng chuyển nhượng số 657/2017/HĐCN. Thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền để hỗ trợ ông Nguyễn Như H3 làm thủ tục sang tên đối với nhà đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T8 trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lê Đình V2 và cụ Vũ Thị D2, cụ V2 chết năm 1983, cụ D2 chết năm 1990. Bố mẹ sinh được 4 người con gồm:

- Ông Lê Đình Q (đã chết năm 2012);
- Bà Lê Thị V (đã chết năm 2012);
- Ông Lê Đình T8 (là ông);
- Ông Lê Đình B (chồng bà V).

Khi còn sống bố mẹ ông có được thừa hưởng tài sản của ông cha để lại là thửa đất khoảng 385,15m² tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H. Trên đất có ngôi nhà cấp 4, tường gạch mái tôn, ngôi nhà có từ xưa, con cháu có sửa chữa lại chứ không làm mới được gì.

Năm 2005, 04 anh chị em trong nhà có họp bàn và thống nhất phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại, cụ thể:

- Ông Lê Đình Q được 60m² đất.
- Bà Lê Thị V được 60m² đất.
- Ông Lê Đình T8 được 60m² đất.
- Ông Lê Đình B được 20m² đất.
- Anh Lê C2 được 20m² đất.
- Anh Lê H10 được 20m² đất.
- Làm nhà thờ cúng chung: 70m².
- Làm lối đi chung và sân: 75,15m².

Bà V là con dâu không được hưởng di sản của bố mẹ chồng. Các anh chị em trong gia đình cũng không chia cho bà Phạm Thị V được hưởng tài sản của bố mẹ chúng tôi.

Sau khi thoả thuận phân chia tài sản, các ông bà đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ. UBND quận H3 đã cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, Lê Đình T8 và phần đất làm nhà thờ chung cho cả 04 người gồm ông Q, bà V, ông T8, ông B. Còn phần đất ông B và các con ông B là anh C2, anh H10 được hưởng thì chưa được cấp GCNQSDĐ.

Nay ông Lê Hữu T có đơn yêu cầu: Xác định tài sản nhà đất tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là tài sản của ông B bà V là không đúng và ông T yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của các ông. Quan điểm của ông là không đồng ý với yêu cầu của ông T. Vì các anh chị em ông được hưởng thừa kế của bố mẹ là đúng theo quy định của pháp luật. Việc UBND quận H3 cấp GCNQSDĐ cho các anh chị em ông cũng là đúng quy định của pháp luật. Ông đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hữu T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Nguyễn Thu H5, Nguyễn Xuân T6, Nguyễn Bích H7, Nguyễn Thu H8 (tất cả đều là con của bà Lê Thị V đã chết) thống nhất trình bày: Các ông bà đều là con của cụ Lê Thị V và Nguyễn B5 (bố mẹ các ông bà đã mất). Bố mẹ có 04 người con gồm: Nguyễn Thu H5, sinh năm 1961; Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1962; Nguyễn Bích H7, sinh năm 1964 và Nguyễn Thu H8, sinh năm 1968.

Mẹ của các ông bà là cụ Lê Thị V, là con gái cụ cô Lê Đình V2 và Vũ Thị D2 (cả hai ông bà ngoại đều đã chết), ông bà ngoại cũng sinh được 04 người con gồm: Ông Lê Đình Q (đã chết); Bà Lê Thị V (đã chết); ông Lê Đình T8; ông Lê Đình B. Tài sản ông bà ngoại để lại tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H có diện tích khoảng 380m² trên đất có ngôi nhà cấp 4.

Ngày 05/8/2004, các ông cậu và mẹ các ông bà đã có sự thỏa thuận phân chia di sản của ông bà ngoại để lại. Cụ Lê Thị V được chia 60m² đất. Đến ngày 09/9/2005, cụ V đã được UBND quận H3 cấp GCNQSDĐ số AB 198359 đối với diện tích 60m² tại thửa đất số 105-3, tờ bản đồ số 6H-IV-06 tại địa chỉ: số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Đến nay, do có việc bà Phạm Thị V là vợ của ông Lê Đình B có nợ tiền ông Lê Hữu T. Nên ông Lê Hữu T yêu cầu xác định tài sản tại địa chỉ: số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là của vợ chồng bà Phạm Thị V ông Lê Đình B để đảm bảo cho việc Thi hành án. Đồng thời, ông T có yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của bố mẹ các ông bà đã được UBND quận H3 cấp đối với diện tích 60m² đất của mẹ các ông bà được chia thừa kế của ông bà ngoại.

Quan điểm của các ông bà là không đồng ý với yêu cầu: Xác định tài sản nhà đất tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là của vợ chồng bà Phạm Thị V ông Lê Đình B và yêu cầu Huỷ GCNQSDĐ của cụ Lê Thị V, vì mẹ các ông bà không có liên quan gì đến ông T và bà Phạm Thị V. Vì vậy, các ông bà đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND quận H3 trình bày:

Ý kiến của UBND quận H3 về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Hữu T đối với GCNQSDĐ số AB 198394 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10; GCNQSDĐ số AB 198359 của UBND quận H3 cấp cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5 (đã chết); GCNQSDĐ số AB 19864 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình T8 và bà Đinh Thị Hải (đã chết); GCNQSDĐ số AB 771757 của UBND quận H3 cấp cho đồng sở hữu gồm: ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V, và ông Lê Đình B tại 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Đối với 04 GCNQSDĐ nêu trên, UBND quận H3 đã ban hành Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc thu hồi các GCNQSDĐ đã cấp tại địa chỉ: 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Sau đó ông Lê Đình T8, ông Lê Hữu D, ông Nguyễn Xuân T6 có đơn khiếu nại Quyết định số: 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND quận H3. Ngày 01/8/2014, UBND quận H3 đã ban hành Quyết định số 2624/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T8, ông D, ông T6 nêu trên, tại quyết định đã công nhận và giữ nguyên Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND quận H3.

Các ông T8, T6, D tiếp tục khiếu nại Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND quận H3. Ngày 16/02/2016, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của một số công dân ngõ 16 T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Tại Quyết định: 757/QĐ-UBND, UBND thành phố H đã bãi bỏ Quyết định số: 2624/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND quận H3 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình T8, ông Lê Hữu D, ông Nguyễn Xuân T6 do không thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16/2/2016 của UBND thành phố H không nêu rõ việc có bãi bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận số 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND quận H3 hay không? đồng thời các căn cứ để ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất trước đây đã hết hiệu lực và được thay thế, do đó UBND quận H3 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật để tiến hành xét xử vụ án.

Vì lý do công tác, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H cho đại diện ủy quyền của UBND quận H3 được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, cũng như các phiên xét xử đối với vụ án trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 27; Điều 34; Điều 201; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500, 501, 502, 503 và các Điều 612,

613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hữu T về việc yêu cầu xác định toàn bộ nhà đất tại: Số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Lê Đình B, bà Phạm Thị V:

- Xác nhận toàn bộ tài sản nhà đất tại: Số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là di sản thừa kế của cụ Lê Đình V2 và cụ Vũ Thị D2 để lại cho các con.

- Xác nhận những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Lê Đình V2 cụ Vũ Thị D2 gồm: Ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8, ông Lê Đình B.

- Xác nhận sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các ông bà: ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8, ông Lê Đình B theo biên bản thống nhất thảo thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05 tháng 8 năm 2004 có hiệu lực. Trong đó:

+ Ông Lê Đình Q được 60m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số: AB 198394 do UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10 theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005, đã được đăng ký sang tên cho ông Lê Hữu D tại Văn phòng đăng ký đất đai H12 - Chi nhánh H3 ngày 30/11/2011.

+ Bà Lê Thị V được 60m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số AB 198359 do UBND quận H3 cấp cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5 (đã chết) theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

+ Ông Lê Đình T8 được 60m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số AB 19864 do UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình T8 và bà Đình Thị Hải (đã chết) theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

+ Làm nhà thờ cúng chung: 70m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số AD 771757 do UBND quận H3 cấp cho đồng sở hữu gồm: ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V, và ông Lê Đình B theo Quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 25/11/2005.

+ Làm lối đi chung và sân: 75,15m².

- Xác nhận gia đình ông B được hưởng thừa kế tài sản của cụ V2 cụ D2 là 60m². Trong đó: Ông Lê Đình B được 20m² đất; Anh Lê C2 được 20m² đất; Anh Lê H10 được 20m² đất. Xác nhận vợ chồng ông B bà V có công sức sửa chữa ngôi nhà cấp 4 trị giá 60.000.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hữu T trong việc đề nghị Hủy 04 GCNQSDĐ được UBND quận H3 cấp cho: Vợ chồng Ông Lê Đình Q; Vợ chồng bà Lê Thị V; Vợ chồng ông Lê Đình T8 và Giấy chứng nhận cấp chung

cho 04 người gồm ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V, ông Lê Đình B. Cụ thể:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 198394 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10; GCNQSDĐ số AB 198359 của UBND quận H3 cấp cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5 (đã chết); GCNQSDĐ số AB 19864 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình T8 và bà Đinh Thị Hải (đã chết); GCNQSDĐ số AD 771757 của UBND quận H3 cấp cho đồng sở hữu gồm: ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V và ông Lê Đình B tại 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H vẫn có hiệu lực.

3. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 657/2017/HĐCN, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết tại Văn phòng công chứng T9 giữa ông Lê Hữu D và anh Nguyễn Như H3 là hợp pháp. Anh Nguyễn Như H3 được quản lý sử dụng thửa đất số 105-2 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² theo GCNQSDĐ số AB 198394 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10, đăng ký sang tên cho ông Lê Hữu D ngày 30/11/2011 tại địa chỉ số: 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Anh Nguyễn Như H3 có quyền tiếp tục đề nghị các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/01/2022, nguyên đơn là ông Lê Hữu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Lê Hữu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T8 xác nhận: ông B và bà V sau khi kết hôn đã về chung sống tại gia đình ông từ đó đến nay; Ông và ông Q xây dựng gia đình trước và đến khoảng năm 1975 thì vợ chồng các ông bà ra ở riêng. Quá trình ở cùng gia đình ông B, bà V có công sức chăm sóc bố mẹ khi ốm đau, già yếu, các ông có hỗ trợ thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là ông Lê Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân định tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Như H3 có yêu cầu độc lập đề nghị công nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án; Yêu cầu hủy GCNQSDĐ; Yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 9 Điều 27, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Lê Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo quy định tại Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3]. Về nội dung: Ông Lê Hữu T khởi kiện đề nghị xác định tài sản tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Lê Đình B để đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Theo kết quả xác minh tại Công văn số 142 ngày 28/01/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND quận H3 cung cấp thông tin về nguồn gốc, quá trình sử dụng và quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ tại địa chỉ số 16 ngõ T1. Theo xác nhận của UBND phường P tại biên bản xác nhận và phân loại hồ sơ kê khai đăng ký nhà và đất ở năm 2004 thì nhà đất tại địa chỉ số 16 ngõ T1 thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ 6H-IV-06, diện tích 385,5m² có nguồn gốc của ông Lê Đình V2 và vợ là bà Vũ Thị D2. Tại Công văn số: 41/ĐCND-TTLT ngày 06/3/2003 của Trung tâm thông tin lưu trữ và dịch vụ nhà đất thuộc Sở Địa chính nhà đất Hà Nội cung cấp: *“Theo hồ sơ lưu trữ, tại sổ đăng ký nhà cửa lập năm 1960 mục thành phần sở hữu. Ông Lê Đình Văn kê khai là chủ sở hữu ngôi nhà số 16, ngõ T1, Hà Nội. Ngoài những thông tin trên, những biến động về sở hữu và sử dụng của ngôi nhà chưa thấy thể hiện tại Sở địa chính nhà đất”*.

Ông T cho rằng: ông B, bà V ở tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H từ trước đến nay, nên đây là tài sản của ông B bà V.

Theo ông Lê Đình B, bà Phạm Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đình T8 cùng các con của bà Lê Thị V là các anh Trường, chị Hồng, chị Hiền, chị Hà xác định:

Khối tài sản nhà đất tại số 16, ngõ T1, phường P có nguồn gốc của cụ Lê Đình V2 và cụ Vũ Thị D2, cụ V2 chết năm 1983, cụ D2 chết năm 1990. Cụ V2 cụ D2 sinh được 4 người con đẻ gồm: Ông Lê Đình Q (đã chết năm 2012); Bà Lê

Thị V (chết năm 2012); Ông Lê Đình T8, sinh năm 1935 và ông Lê Đình B (chồng bà V). Ngoài 04 người con trên, cụ V2 cụ D2 không có thêm bất cứ người con nuôi, con đẻ nào khác nữa.

Khi còn sống cụ V2, cụ D2 có khối tài sản là thửa đất khoảng 385,15m² tại số 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H. Trên đất có ngôi nhà cấp 4, tường gạch mái tôn, ngôi nhà có từ năm 1950, con cháu có sửa chữa lại chứ không làm mới được gì. Toàn bộ tài sản của cụ V2, cụ D2 do vợ chồng ông B, bà V trông nom quản lý. Như vậy, lời trình bày của bị đơn là bà V phù hợp với kết quả xác minh về nguồn gốc thửa đất là của cụ V2 và cụ D2 (bố chồng và V).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cụ Lê Đình V2 là chủ sở hữu ngôi nhà số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H. Ông Lê Đình B, bà Phạm Thị V là con trai, con dâu của cụ V2 cụ D2, không phải là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản nhà đất tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H. Sau khi vợ chồng cụ V2, cụ D2 chết thì khối tài sản trên là di sản thừa kế của cụ V2 cụ D2 để lại cho các con gồm: Ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8, ông Lê Đình B.

Ngày 05/8/2004, bốn anh chị em gồm: Ông Q, bà V, ông T8, ông B đã họp bàn và thống nhất phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại, cụ thể như sau: Ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8 mỗi người được hưởng 60m² đất;

- Ông Lê Đình B, anh Lê C2 (con ông B), anh Lê H10 (con ông B) mỗi người được 20m² đất;

- Làm nhà thờ cúng chung: 70m²; Làm lối đi chung và sân: 75,15m².

Sau khi thoả thuận phân chia tài sản, những người hưởng thừa kế đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND quận H3 đã xem xét và cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8 và cấp GCNQSDĐ cho phần đất làm nhà thờ chung cho cả 4 người gồm ông Q, bà V, ông T8, ông B. Còn phần đất ông B và các con ông B là anh C2, anh H10 được chia, gia đình ông B chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ.

Cụ V2 và cụ D2 chết không để lại di chúc. Ngày 05/8/2004 các con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V2, cụ D2 làm biên bản tự thỏa thuận phân chia và đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định tại Điều 677-679 Bộ luật Dân sự năm 1995 và Điều 49 Luật Đất đai năm 2003, đến nay không có tranh chấp. Tại Bản án số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội cũng chỉ buộc bà V phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T chứ không phải vợ chồng bà V, ông B. Mặt khác, tài sản trên đất là ngôi nhà theo biên bản thẩm định tại chỗ xác định do các cụ xây dựng từ những năm 1950 và 1970 đến nay không còn giá trị sử dụng. Đây không phải là tài sản của cá nhân bà V để kê biên bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bà V.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác nhận sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các đương sự đã xong và có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T đề nghị xác định toàn bộ

di sản tại số 16, ngõ T1, phường P thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà Phạm Thị V ông Lê Đình B là phù hợp.

[3.2]. Theo biên bản thoả thuận phân chia tài sản thừa kế của 04 anh chị em trong gia đình thì phần gia đình ông Lê Đình B được chia là 60m² đất trong số nhà 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H (Trong đó phần ông B: 20m²; con ông B, bà V là anh Lê C2: 20m²; anh Lê H10: 20m²). Bà Phạm Thị V là con dâu không được hưởng di sản thừa kế của bố mẹ chồng là cụ V2, cụ D2. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện trên đất có 03 nhà gạch 1 tầng mái lợp tôn, theo các đương sự khai nhà xây từ khoảng năm 1970, hiện hư hỏng nặng, cần phá bỏ; 01 nhà tạm quây tôn xây dựng từ trước năm 1954 hiện đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng.

Ông Lê Đình B xác nhận: Ông và bà V kết hôn từ năm 1965 rồi về sống cùng bố mẹ ông. Khi bà V về làm dâu có sửa chữa cải tạo lại ngôi nhà trên từ cách đây khoảng 30 năm như thay mái tôn, tôn nền nhà và xây tường rào bảo vệ. Còn lại toàn bộ tài sản vẫn là của bố mẹ ông để lại. Ông B thừa nhận giá trị tài sản ông bà đóng góp sửa chữa tôn tạo nhà cửa là 60 triệu đồng, kỷ phần của bà V có $\frac{1}{2} = 30$ triệu đồng để thi hành án cho ông T. Do tài sản trên đất là di sản xây dựng lâu năm hiện đã xuống cấp không thể xác định được giá trị nên Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận công sức sửa chữa tôn tạo của ông B, bà V bằng 60 triệu đồng là phù hợp.

Tuy nhiên, hội đồng xét xử thấy: bà V về làm dâu nhà ông B từ năm 1965 đến nay đã hơn 30 năm (đã trừ thời gian đi chấp hành hình phạt tù), sinh sống tại thửa đất bố mẹ ông B để lại, có công sức chăm sóc khi các cụ ốm đau, già yếu nên xác định bà V cũng có một phần công sức trong việc quản lý duy trì tài sản của nhà chồng. Khi phân chia di sản các thừa kế đã không xem xét công sức của ông B, bà V. Do đó nên cần tính cho bà V phần công sức bằng 5m² đất có giá trị = 487.500.000đ và buộc ông B phải thanh toán cho bà V số tiền 487.500.000 đồng + 30 triệu đồng = 517.500.000 đồng để có tiền thi hành được một phần quyết định của Bản án số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội. Do đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, xác định bà V có 517.500.000 đồng là tài sản riêng buộc ông B phải thanh toán cho bà V để có tiền thi hành một phần Bản án số: 1475/HSPT ngày 08/10/2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội là phù hợp.

[3.2] Xét kháng cáo yêu cầu huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND quận H3 cấp gồm:

- GCNQSDĐ số AB 198394 do UBND quận H3 cấp cho thửa đất số 105-2 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² đứng tên ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10 theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

- GCNQSDĐ số AB 198359 do UBND quận H3 cấp cho thửa đất số 105-3 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² đứng tên bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5 theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

- GCNQSDĐ số AB 198364 do UBND quận H3 cấp cho thửa đất số 105-1 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² đứng tên ông Lê Đình T8 và bà Đinh Thị Hải theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

- GCNQSDĐ số AD 771757 do UBND quận H3 cấp cho thửa đất số 105-4 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 70m² đứng tên ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V và ông Lê Đình B theo Quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 25/11/2005.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: sau khi anh chị em trong gia đình thoả thuận phân chia di sản thừa kế, các anh chị em đã làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và đã được UBND quận H3 cấp GCNQSDĐ theo quy định cho vợ chồng ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10; vợ chồng bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5; vợ chồng ông Lê Đình T8 và bà Đinh Thị Hải; và 01 GCNQSDĐ cấp chung cho 04 người là ông Q, ông T8, bà V, ông B. Sau khi các ông bà nêu trên được cấp GCNQSDĐ, do có khiếu nại nên UBND quận H3 đã ra Quyết định số: 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc thu hồi các GCNQSDĐ đã cấp tại địa chỉ: 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Sau đó ông Lê Đình T8, ông Lê Hữu D, ông Nguyễn Xuân T6 có đơn khiếu nại Quyết định số: 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND quận H3. Ngày 01/8/2014, UBND quận H3 đã ban hành Quyết định số: 2624/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T8, ông D, ông T6 nêu trên, Quyết định 2624/QĐ-UBND đã giữ nguyên Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND quận H3.

Các ông T8, T6, D tiếp tục khiếu nại Quyết định số: 2624/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND quận H3.

Ngày 16/02/2016, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của một số công dân ngõ 16 T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Tại Quyết định: 757/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND thành phố H, đã bãi bỏ Quyết định số: 2624/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND quận H3 về việc giải quyết khiếu nại Quyết định số: 823/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc thu hồi 04 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho các hộ tại 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Như vậy, cho đến nay các GCNQSDĐ nêu trên mà UBND quận H3 cấp cho các anh chị em trong gia đình ông Q, bà V, ông T8, ông B vẫn còn hiệu lực thi hành. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy 04 GCNQSDĐ trên của ông T.

[3.3]. Xét yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Như H3, HĐXX thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét phần diện tích đất 60m² của ông Lê Đình Q được hưởng thừa kế tại số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H, sau khi được UBND quận H3 cấp GCNQSDĐ số AB 198394 cấp cho thửa đất số

105-2 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² đứng tên ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10. Ngày 05 tháng 11 năm 2011, vợ chồng ông Lê Đình Q đã lập Hợp đồng tặng cho tài sản cho con trai là ông Lê Hữu D. Hợp đồng tặng cho tài sản số: 80/2011/HĐTC ngày 05/11/2011 được lập tại Văn phòng công chứng quận B4. Về thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đã hoàn tất, thửa đất số 105-2 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² đã được đăng ký sang tên cho ông Lê Hữu D tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - chi nhánh H3 ngày 30/11/2011.

Việc ông Lê Hữu D được bố mẹ tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất đã làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Nên ông Lê Hữu D là chủ sử dụng đất hợp pháp, ông D có đầy đủ quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, ông Lê Hữu D đã lập Hợp đồng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Như H3 thửa đất nêu trên tại Văn phòng công chứng T9. Do có việc khởi kiện của ông Lê Hữu T, nên chưa làm xong thủ tục sang tên GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Như H3. Giữa anh H3 và ông D không có tranh chấp. Mặc dù quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông D không có mặt để trình bày quan điểm của mình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông D có biết vụ kiện do ông Lê Hữu T tranh chấp, nhưng không có ý kiến gì phản đối việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Nguyễn Như H3.

Văn phòng công chứng T9 cũng xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Lê Hữu D và anh Nguyễn Như H3 là đúng pháp luật. Do đó, việc anh H3 yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp là có căn cứ. Xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Hữu D và anh Nguyễn Như H3 là Hợp pháp. Anh H3 ông D có quyền hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Như H3 là có căn cứ.

Do không có căn cứ xác định toàn bộ tài sản nhà đất tại số 16, Ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Lê Đình B và bà Phạm Thị V, có cơ sở xác định phần tài sản của bà V trong khối tài sản chung vợ chồng để buộc bà V phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của bản án hình sự phúc thẩm. Do đó có cơ sở sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Hữu T.

[4] Về án phí: Ông Lê Hữu T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Ông Lê Đình B và bà Phạm Thị V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Hữu T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hữu T về việc yêu cầu xác định

toàn bộ nhà đất tại: Số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Lê Đình B, bà Phạm Thị V.

- Xác nhận toàn bộ tài sản nhà đất tại: Số 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H là di sản thừa kế của cụ Lê Đình V2 và cụ Vũ Thị D2 để lại cho các con.

- Xác nhận những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Lê Đình V2 và cụ Vũ Thị D2 gồm: Ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8, ông Lê Đình B.

- Xác nhận sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các ông bà: ông Lê Đình Q, bà Lê Thị V, ông Lê Đình T8, ông Lê Đình B theo biên bản thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 05 tháng 8 năm 2004 có hiệu lực. Trong đó:

+ Ông Lê Đình Q được 60m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số: AB 198394 do UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10 theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005, đã được đăng ký sang tên cho ông Lê Hữu D tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - chi nhánh H3 ngày 30/11/2011.

+ Bà Lê Thị V được 60m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số AB 198359 do UBND quận H3 cấp cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5 (đã chết) theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

+ Ông Lê Đình T8 được 60m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số AB 19864 do UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình T8 và bà Đình Thị Hải (đã chết) theo Quyết định số 92/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005.

+ Làm nhà thờ cúng chung: 70m² đất. Đã được cấp GCNQSDĐ số AD 771757 do UBND quận H3 cấp cho đồng sở hữu gồm: ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V, và ông Lê Đình B theo Quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 25/11/2005.

+ Làm lối đi chung và sân: 75,15m².

- Xác nhận gia đình ông B được hưởng thừa kế tài sản của cụ V2 cụ D2 là 60m². Trong đó: Ông Lê Đình B được 20m² đất; anh Lê C2 được 20m² đất; anh Lê H10 được 20m² đất. Xác nhận vợ chồng ông B bà V có công sức sửa chữa ngôi nhà cấp 4 trị giá 60.000.000đồng. Áng trích công sức cho bà Phạm Thị V 5m² đất có giá trị bằng 487.500.000đ. Buộc ông B phải thanh toán cho bà V số tiền 487.500.000 đồng + 30.000.000đồng (tiền xây dựng công trình trên đất) = 517.500.000 đồng (Năm trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) để bà V thực hiện nghĩa vụ thi hành quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 1475/HSPT ngày 08 tháng 10 năm 2002 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hữu T trong việc đề nghị hủy 04 GCNQSDĐ được UBND quận H3 cấp cho: Vợ chồng ông Lê Đình Q; Vợ chồng bà Lê Thị V; Vợ chồng ông Lê Đình T8 và Giấy chứng nhận cấp chung cho 04 người gồm ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V, ông Lê Đình B. Cụ thể:

GCNQSDĐ số: AB 198394 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10; GCNQSDĐ số AB 198359 của UBND quận H3 cấp cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn B5(đã chết); GCNQSDĐ số AB 19864 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình T8 và bà Đình Thị Hải (đã chết); GCNQSDĐ số AD 771757 của UBND quận H3 cấp cho đồng sở hữu gồm: ông Lê Đình Q, ông Lê Đình T8, bà Lê Thị V, và ông Lê Đình B tại 16 ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H vẫn có hiệu lực.

1.3. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 657/2017/HĐCN, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết tại Văn phòng công chứng T9 giữa ông Lê Hữu D và anh Nguyễn Như H3 là hợp pháp. Anh Nguyễn Như H3 được quản lý sử dụng thửa đất số 105-2 tờ bản đồ 6H-IV-06 diện tích 60m² theo GCNQSDĐ số: AB 198394 của UBND quận H3 cấp cho ông Lê Đình Q và bà Vũ Thị T10, đăng ký sang tên cho ông Lê Hữu D ngày 30/11/2011. Tại địa chỉ số: 16, ngõ T1, phường P, quận H3, thành phố H.

Anh Nguyễn Như H3 có quyền tiếp tục đề nghị các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Đình B và bà Phạm Thị V.
- Ông Lê Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

* *Nơi nhận:*

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (qua địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà

